

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS-PT

Ngày: 01/04/2021

Về việc “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH K**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Võ Đình Phương**

*Các thẩm phán:* Ông **Nguyễn Trung Thành**

Bà **Lê Thị Hiền**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Phạm Thị Ánh Tuyết** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh K.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K tham gia phiên tòa:** Bà **Huỳnh Thiên Hương** – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh K, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2020/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2020/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXX-PT ngày 09 tháng 03 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐ-PT ngày 19/3/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thị Lệ H**, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Thôn Xuân Lập, xã Cam Tân, huyện C, tỉnh K. Có mặt.

**- Bị đơn:** Bà **Trần Thị M** (tên gọi khác: Trần Thị L), sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Thôn Xuân Lập, xã Cam Tân, huyện C, tỉnh K. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Trần Thị M là luật sư Lê Văn T – Văn phòng luật sư Văn T thuộc đoàn luật sư tỉnh K. Có mặt.

**- Người làm chứng:** Ông **Ôn Hải C**, sinh năm: 1953.

Địa chỉ: Thôn Xuân Lập, xã Cam Tân, huyện C, tỉnh K. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Lệ H trình bày:*

Bà và bà M (tên gọi khác bà L) là người trong thôn làng nên quen biết nhau, bà có tham gia chơi huê do bà M là chủ cái huê. Vào cuối năm 2013, bà M có vay của bà 04 lượng vàng, trả lãi là 1.200.000 đồng/tháng, trả được 4 tháng x 1.200.000 đồng = 4.800.000 đồng, đến khoảng tháng 3/2014 (âm lịch) thì bà M đã trả cho bà 04 lượng vàng đã vay. Việc vay mượn, trả lãi, trả lại vàng hai bên nói bằng miệng, không ghi thành văn bản.

Sau đó, khoảng tháng 9/2014 (âm lịch) bà M tiếp tục mượn lại 02 lượng vàng của bà và hẹn 02 tháng trả lại, hai bên không lập giấy tờ gì. Tuy nhiên, đến hẹn nhưng bà M không trả vàng, lúc đó bà M bẻ huê nên bà yêu cầu bà M ghi giấy nợ cho bà. Bà M ghi giấy nợ ngày 25/11/2014, gồm nợ huê 40.000.000 đồng và mượn 02 lượng vàng. Bà M hứa trả cho bà vào mùa mía năm 2015 (khoảng tháng 3/2015 âm lịch). Tuy nhiên, năm 2015 bà M cũng không trả vàng.

Năm 2018, bà M bán đất đã trả đủ số tiền nợ huê 40.000.000 đồng, bà yêu cầu trả 02 lượng vàng còn nợ, bà M xin trả góp mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi đủ giá trị của 02 lượng vàng, bà không đồng ý. Tuy nhiên, bà M hứa sẽ trả đủ giá trị 02 cây vàng rồi sẽ tính tiếp. Bà M góp được 11 tháng (từ tháng 7 đến tháng 11/2018, từ tháng 02 đến tháng 7/2019, âm lịch) tương đương số tiền 5.500.000 đồng, sau đó không trả tiền tiếp mà cũng không trả vàng. Bà yêu cầu hoàn trả lại vàng thì bị xua đuổi, thách thức khởi kiện.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị M có nghĩa vụ trả lại 02 lượng vàng 9999 đã mượn cuối năm 2014; bà tự nguyện hoàn trả lại cho bà M số tiền 5.500.000 đồng; không yêu cầu trả lãi.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị M trình bày:*

Bà tên khai sinh là Trần Thị M (tên gọi khác là L) và bà H cùng là người trong thôn làng nên quen biết nhau, bà H có tham gia chơi huê do bà làm chủ cái huê.

Vào cuối năm 2012, đầu năm 2013, bà có vay của bà H 04 lượng vàng, trả lãi mỗi tháng 4.000.000 đồng, thời gian vay từ đầu năm 2013 đến cuối năm 2014, trả lãi tổng cộng 25 tháng x 4.000.000 đồng = 100.000.000 đồng. Cuối năm 2014, bà đã trả bà H 04 lượng vàng. Việc vay mượn, trả lãi, trả vàng hai bên nói bằng miệng, không ghi thành văn bản. Cũng vào cuối năm 2014, bà tiếp tục mượn lại 02 lượng vàng của bà H, việc vay mượn không lập giấy tờ gì.

Ngoài ra, vào cuối năm 2014 và đầu năm 2015 bà bị bẻ huê, bà H là huê sống nên bà thiếu tiền huê của bà H là 40.000.000 đồng. Gia đình bà bán đất, chồng bà là ông Ôn Hải C đã trực tiếp trả tiền thuê 40.000.000 đồng cho bà H.

Bà không đồng ý trả 02 cây vàng cho bà H vì: số tiền bà trả lãi cho khoản vay 04 lượng vàng năm 2013 + 2014 là 100.000.000 đồng, giá trị 02 lượng vàng năm 2014 tương đương là 60.000.000 đồng; bà cần trừ vào số tiền lãi đã trả từ năm 2013 + 2014. Như vậy, bà đã trả xong 02 lượng vàng, số tiền còn lại 40.000.000 đồng là phần lãi 04 lượng vàng. Bà có trả cho bà H số tiền 500.000 đồng mỗi tháng, trả vào năm 2018 và 2019, tổng cộng 11 tháng x 500.000 đồng = 5.500.000 đồng, đây là khoản bà trả thêm tiền lãi cho bà H.

Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hiện nay bà không còn nợ vàng của bà H. Bà không có ý kiến việc bà H hoàn trả lại cho bà số tiền 5.500.000 đồng.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng ông Ôn Hải C trình bày:*

Ông là chồng bà Trần Thị M. Ông có biết bà Phạm Thị Lệ H vì là người trong thôn. Vợ ông có làm cái huê. Năm 2015, vợ ông bị bẻ huê. Năm 2018, gia đình ông bán đất và trả tiền huê cho bà H 40.000.000 đồng (theo biên bản lấy lời khai). Việc vợ ông vay mượn vàng của bà H ông không biết gì hết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2020/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh K căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Lệ H. Buộc bà Trần Thị M (tên khác là Trần Thị L) phải trả cho bà Phạm Thị Lệ H 02 (hai) lượng vàng nhẫn 96%.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị Lệ H về việc trả lại bà Trần Thị M 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/08/2020, bị đơn bà Trần Thị M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn cho rằng bản án sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ đối với số tiền lãi, ông Ôn Hải C và chồng nguyên đơn là người liên quan trong vụ án. Do đó, bên bị đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

- Bên nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K phát biểu:*

- Về thủ tục: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn trả cho bị đơn 5.500.000 đồng là không chính xác. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chồng bà H có liên quan trong hai lượng vàng tranh chấp hay không để xác định tư cách tố tụng. Trên cơ sở đó, Đại diện viện kiểm sát đề nghị tạm ngưng phiên tòa để làm rõ vấn đề trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

- Ngày 14/8/2020, Tòa án nhân dân huyện C xét xử vụ án. Ngày 26/8/2020, bà Trần Thị M kháng cáo bản án trong hạn luật định nên được xem xét.

- Đối với ông Ôn Hải C trả số tiền 40.000.000 đồng tiền huê cho bà M và hai bên đương sự không còn tranh chấp gì khoảng tiền này. Bản án sơ thẩm xác định ông C là người làm chứng trong vụ án tranh chấp 02 lượng vàng giữa bà H và bà M là phù hợp tư cách tố tụng.

- Tại phiên tòa, bà H xác định chồng bà không liên quan gì trong số hai lượng vàng bà M đã vay. Đồng thời, bà M cũng thừa nhận mượn vàng của bà H không liên quan đến chồng bà H. Theo nội dung Giấy nợ đã thể hiện cũng chứng minh vấn đề này nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận ý kiến của bên bị đơn và vị đại diện viện kiểm sát.

## **[2] Về nội dung:**

Cuối năm 2013, bà M vay của bà H 04 lượng vàng, khoảng tháng 3/2014 (âm lịch), bà M đã trả cho bà 04 lượng vàng đã vay. Việc vay mượn và trả nợ hai bên nói bằng miệng, không ghi thành văn bản.

Khoảng tháng 9/2014 (âm lịch), bà M tiếp tục mượn lại 02 lượng vàng của bà H, hai bên không lập giấy tờ gì. Sau đó, bà M bẻ huê nên bà H yêu cầu bà M ghi giấy nợ cho bà ngày 25/11/2014 gồm 02 khoản: nợ huê 40.000.000đồng và mượn 02 lượng vàng, bà M hứa trả cho bà H vào mùa mía 2015 (khoảng tháng 3/2015 âm lịch). Tuy nhiên, năm 2015, bà M không trả vàng.

Năm 2018, bà M bán đất đã trả đủ số tiền nợ huê 40.000.000 đồng, 02 lượng vàng vẫn còn nợ và bà M xin trả góp mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi đủ giá trị của 02 lượng vàng. Bà M đã góp được 11 tháng (từ tháng 7 đến tháng 11/2018, từ tháng 02 đến tháng 7/2019, âm lịch) tổng cộng 5.500.000 đồng. Sau đó, bà M không trả tiền tiếp mà cũng không trả vàng.

Nay bà H yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị M có nghĩa vụ trả lại 02 lượng vàng 9999 đã mượn cuối năm 2014; bà tự nguyện hoàn trả lại cho bà M số tiền 5.500.000 đồng; bà không yêu cầu bà M trả lãi.

## **[3] Hội đồng xét xử xét:**

[3.1] Xét giấy nhận nợ viết ngày 25/11/2014 “*bà Trần Thị L có mượn H 02 cây vàng, tổng số tiền huê 40.000.000đồng.....*”:

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy bà Trần Thị L chính là tên gọi khác của bà Trần Thị M. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M xác định giấy nhận nợ nêu trên là do chính tay bà viết nhận nợ với bà Phạm Thị Lệ H đối với 02 lượng vàng và 40.000.000đồng tiền huê. Thời hạn trả là mùa mía năm 2015. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giấy nợ trên do bà M viết nhận nợ với số vàng và số tiền nêu trên là đúng sự thật.

[3.2] Xét việc bà Trần Thị M thanh toán nợ theo giấy nhận nợ viết ngày 25/11/2014:

Tại giai đoạn sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự thừa nhận bà M đã thanh toán cho bà H số tiền nợ huê 40.000.000đồng vào năm 2018. Số vàng bà M còn nợ lại theo giấy nợ là 02 lượng vàng. Theo giấy ghi nợ không xác định số vàng này chất lượng là bao nhiêu phần trăm. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà M và bà H đã trình bày thống nhất số vàng cho mượn là vàng nhẫn 96%. Như vậy, số vàng bà M còn nợ của bà H theo giấy nhận nợ là 02 lượng vàng nhẫn 96%, thời hạn trả nợ là mùa mía năm 2015 thì thanh toán nhưng đến nay số vàng này bà M vẫn chưa trả. Do đó, Bản án sơ thẩm buộc bà M phải trả cho bà H 02 lượng vàng nhẫn 96% là có cơ sở.

Đối với số tiền bà M trả góp cho bà H 11 tháng (từ tháng 7 đến tháng 11/2018, từ tháng 02 đến tháng 7/2019, âm lịch) mỗi tháng 500.000đồng, tổng cộng là 5.500.000 đồng, bà H tự nguyện trả lại cho bà M. Hội đồng xét xử xét Bản án sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của bà H là có cơ sở.

Về lãi suất bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Đối với ý kiến bà Trần Thị M xác định đã trả xong 02 lượng vàng 96%:

Bà M cho rằng số tiền trả lãi vay 04 cây vàng (từ năm 2012 đến năm 2014) bà đã trả cho bà Phạm Thị Lệ H là 100.000.000đồng. Trong số tiền này bà M xác định 60.000.000đồng là trả cho 02 cây vàng 96% và 40.000.000đồng là trả lãi cho 04 cây vàng (thời điểm năm 2014). Trong quá trình giải quyết vụ án, bà M xác định việc mượn 04 cây vàng và trả lãi 100.000.000đồng như bà M trình bày là chỉ nói bằng miệng, không có giấy tờ gì chứng minh và không được bà H thừa nhận. Đồng thời, bà M xác định sự việc mượn và trả nợ đã xong cuối năm 2014. Việc vay 02 cây vàng 96% là bà M mượn bà H phát sinh sau. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc vay mượn 04 cây vàng hai bên đã thanh toán xong và không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho số tiền 100.000.000đồng cần trừ vào 02 lượng vàng vay sau. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự cũng thừa nhận không ai có thể biết trước sau thời điểm thanh toán xong 04 cây vàng thì sau này bà M sẽ mượn tiếp của bà H 02 cây vàng để cần trừ vào số tiền lãi 100.000.000đồng như bà M trình bày. Như vậy, lời trình bày của bà M là đã thanh toán xong 02 lượng vàng 96% thông qua việc cần trừ như nêu trên là không có chứng cứ chứng minh và không phù hợp với logic khách quan nên không có cơ sở. Do đó, Bản án sơ thẩm không chấp nhận ý kiến trình bày của bà M là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên Bản án án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm;

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Lệ H. Buộc bà Trần Thị M (tên gọi khác là Trần Thị L) phải trả cho bà Phạm Thị Lệ H 02 (Hai) lượng vàng nhẫn 96%.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị Lệ H trả lại cho bà Trần Thị M số tiền 5.500.000đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

**\* Về án phí:**

- Bà Trần Thị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 5.007.000đồng (Năm triệu không trăm lẻ bảy nghìn đồng) và 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0008355 ngày 22/9/2020. Như vậy, bà M còn phải nộp 4.707.000đồng (Bốn triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng).

- Trả lại cho bà Phạm Thị Lệ H 2.350.000đồng (Hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0008138 ngày 24/04/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

**\* Quy định:** T hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Viện KSND tỉnh K;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn, văn phòng.

**Võ Đình Phương**